

# NHẬN THỨC VỀ KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP CỦA SINH VIÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH – TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Hoàng Thị Kim Oanh<sup>1</sup>, Trần Thị Hằng<sup>2</sup>, Đặng Thị Xen<sup>3</sup>

<sup>1,2,3</sup>Trường Đại học Lâm nghiệp

## TÓM TẮT

Nghiên cứu này thực hiện dựa trên số liệu điều tra đối với gần 200 sinh viên đang theo học ngành Quản trị kinh doanh – Trường Đại học Lâm nghiệp (ĐHLN). Kết quả phân tích bằng các công cụ thống kê trên phần mềm SPSS cho thấy sinh viên đánh giá cao mức độ quan trọng của các kỹ năng nghề nghiệp nhưng mức độ tích lũy của các kỹ năng này rất hạn chế, có sự khác biệt giữa những nhóm sinh viên khác nhau và với nhu cầu của các nhà tuyển dụng. Kết quả nghiên cứu là cơ sở quan trọng cho việc đề xuất các giải pháp nhằm cải tiến, đổi mới phương pháp giảng dạy, phát triển chương trình đào tạo và nâng cao kỹ năng cho các sinh viên học ngành QTKD – Trường ĐHLN.

**Từ khóa:** Đại học, đào tạo, kỹ năng nghề nghiệp, quản trị kinh doanh, sinh viên, thất nghiệp.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, nước ta có hàng trăm trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp đào tạo nhiều lĩnh vực nghề nghiệp khác nhau. Hằng năm có hàng trăm nghìn sinh viên tốt nghiệp, tuy nhiên số lượng sinh viên thất nghiệp sau khi ra trường cũng không hề nhỏ (Quý 1/2016 cả nước có 225.000 người có trình độ cử nhân, thạc sĩ thất nghiệp – *Theo thống kê được trình bày tại Hội thảo “Đổi mới công tác đào tạo nhân lực cho các khu công nghiệp và khu chế xuất ở Việt Nam” do Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp Bộ GD&ĐT, Bộ LĐ-TB&XH, Chương trình đổi mới đào tạo nghề tại Việt Nam (GIZ) tổ chức*). Tổng hợp ý kiến của nhiều chuyên gia, các nhà tuyển dụng tại các doanh nghiệp có thể thấy nhiều nguyên nhân lý giải cho hiện tượng này như: sinh viên không nắm vững kiến thức chuyên ngành được đào tạo, thiếu kỹ năng nghề nghiệp, ảnh hưởng của nền kinh tế đến xu hướng ngành nghề, chất lượng đào tạo tại các cơ sở đào tạo yếu kém (tình trạng thương mại hóa giáo dục, đào tạo dàn trải, chưa chú trọng thực hành và đào tạo về kỹ năng...). Thực tế này đặt ra những thách thức lớn cho hoạt động đào tạo của các cơ sở đào tạo hiện nay, đặc biệt là đối với trường đại học theo xu hướng đa ngành như Trường Đại học Lâm nghiệp. Do đó việc nghiên cứu mức

độ nhận thức về kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên là hết sức cần thiết.

Nghiên cứu này sẽ góp phần làm rõ những vấn đề thực trạng về kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên đồng thời cung cấp những cơ sở quan trọng cho công tác đổi mới phương pháp giảng dạy, xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo của nhà trường, bộ môn chuyên môn. Bài viết này là kết quả nghiên cứu của mức độ nhận thức về tầm quan trọng và mức độ tích lũy các kỹ năng nghề nghiệp tương ứng đối với sinh viên ngành Quản trị kinh doanh đang học tại Trường Đại học Lâm nghiệp.

## II. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Nội dung nghiên cứu

Bài viết trên cơ sở sử dụng các công cụ thống kê của phần mềm SPSS nhằm mô tả, đánh giá thực trạng về mức độ nhận thức về kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên ngành QTKD – Trường ĐHLN; từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm định hướng nhận thức cũng như nâng cao khả năng tích lũy các kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên, đồng thời giúp Nhà trường, Bộ môn chuyên môn có cơ sở để đổi mới phương pháp giảng dạy, hoàn thiện chương trình đào tạo.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

#### 2.2.1. Phương pháp chọn mẫu nghiên cứu

Nghiên cứu áp dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng kết hợp với các tiêu chí chọn mẫu gồm: ngành học, khóa học, giới tính, tình trạng làm thêm, quê quán, số lượng các lớp kỹ năng đã từng tham gia. Để đảm bảo tính tin cậy của các chỉ tiêu thống kê, dựa theo kinh nghiệm (Bollen, 1989 trích dẫn từ Nguyễn Khánh Duy, 2009), dung lượng mẫu tối thiểu là 10 mẫu cho một tham số ước lượng. Trong trường hợp nghiên cứu này, dung lượng mẫu được lựa chọn trên cơ sở số lượng các nhóm kỹ năng (được xem như các biến để đánh giá mức độ nhận thức của sinh viên về kỹ năng nghề nghiệp) tương đương 120 mẫu. Để đạt được kích thước mẫu cần thiết, nhóm nghiên cứu đã phát ra 200 phiếu điều tra, thu về 160 phiếu đảm bảo yêu cầu.

**2.2.2. Xây dựng thang đo**

Kỹ năng nghề nghiệp là khả năng ứng dụng thành thạo tri thức và kỹ thuật, công nghệ mới trong quá trình lao động sản xuất; đồng thời có khả năng ứng biến linh hoạt trong mọi hoàn cảnh, trong những biến đổi không ngừng của

môi trường và điều kiện sống... để lao động sáng tạo. Kỹ năng nghề nghiệp bao gồm kỹ năng chung áp dụng vào nghề nghiệp (kỹ năng mềm) và kỹ năng đặc thù nghề nghiệp (kỹ năng cứng). Như vậy có thể coi kỹ năng nghề nghiệp là một loại kỹ năng hỗn hợp. Trên cơ sở kết quả các nghiên cứu đã có liên quan đến kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh tế - quản lý (Chonko và Caballero, 1991; Mitchell và cộng sự, 2010; Kelley và Bridges, 2005; Vũ Thế Dũng và cộng sự, 2008 - dẫn theo Phạm Lan Hương & Trần Triệu Khải, 2010, *Nhận thức về kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên chuyên ngành quản trị marketing tại trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng*, số 05 - Tạp chí Khoa học công nghệ - ĐH Đà Nẵng), nghiên cứu này đã lựa chọn 12 nhóm biến tương ứng cho 12 nhóm kỹ năng cần thiết đối với ngành Quản trị kinh doanh. Kết hợp với các câu hỏi khảo sát để đánh giá nhận thức của sinh viên ngành Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Lâm nghiệp về tầm quan trọng và mức độ tích lũy các kỹ năng nghề nghiệp tương ứng.

**Bảng 01. Các nhóm kỹ năng nghề nghiệp cần thiết đối với sinh viên ngành QTKD**

Nhóm kỹ năng	Danh sách kỹ năng	Mã hóa
<b>1. Lãnh Đạo</b>	Khả năng làm nhóm trưởng	LD1
	Khả năng xây dựng nhóm hiệu quả	LD2
	Khả năng tạo động lực, khuyến khích nhân viên	LD3
	Khả năng sử dụng phong cách lãnh đạo khác nhau	LD4
	Khả năng giải quyết tình huống	LD5
	Hiểu về khả năng của nhân viên	LD6
	Khả năng gắn kết nhân viên	LD7
<b>2. Quản lý</b>	Khả năng sẵn sàng học hỏi	QL1
	Khả năng quản lý thời gian	QL2
	Khả năng tự kiểm tra	QL3
	Khả năng làm việc độc lập	QL4
	Khả năng quản lý công việc	QL5
	Có trách nhiệm với công việc	QL6
<b>3. Hoạch định</b>	Khả năng tổ chức	HD1
	Khả năng lên kế hoạch công việc	HD2
	Khả năng tuyển dụng nhân viên	HD3

**Kinh tế & Chính sách**

	Khả năng suy nghĩ một cách hệ thống	TD1
	Khả năng sáng tạo	TD2
<b>4. Tư duy</b>	Khả năng tầm nhìn và tư duy chiến lược	TD3
	Khả năng xác định mối quan hệ giữa các vấn đề	TD4
	Kỹ năng tư duy phân biện	TD5
<b>5. Ra quyết định</b>	Khả năng sử dụng các kỹ thuật ra quyết định giải quyết vấn đề	RQD1
	Khả năng đánh giá rủi ro trong các quyết định	RQD2
	Khả năng dự đoán và cung cấp các giải pháp thay thế	RQD3
	Khả năng xác định các vấn đề chính của một vấn đề khó khăn gặp phải	RQD4
	Khả năng kết hợp thông tin thị trường	RQD5
<b>6. Công nghệ</b>	Khả năng sử dụng các phần mềm chuyên dụng	CN1
	Khả năng sử dụng chương trình xử lý văn bản	CN2
	Khả năng chương trình bảng tính	CN3
	Khả năng sử dụng chương trình cơ sở dữ liệu	CN4
	Khả năng chuẩn bị các phương tiện, công cụ kỹ thuật	CN5
	Khả năng tìm kiếm và tập hợp nguồn dữ liệu	CN6
	Khả năng giao tiếp bằng điện tử	CN7
<b>7. Đàm phán</b>	Khả năng tiếp cận đầy đủ thông tin về đối tác	DP1
	Khả năng xã giao kinh doanh	DP2
	Khả năng tạo lập các mối quan hệ	DP3
	Khả năng nhận biết về các thủ thuật thường gặp trong đàm phán	DP4
	Khả năng giải quyết bế tắc khi đàm phán	DP5
<b>8. Làm việc nhóm</b>	Khả năng làm việc tốt với người khác	LVN1
	Khả năng lắng nghe hiệu quả	LVN2
	Khả năng giải quyết xung đột	LVN3
	Khả năng tạo sự đoàn kết, giúp đỡ tương trợ	LVN4
<b>9. Giao tiếp</b>	Tự tin, vô tư, thẳng thắn	GT1
	Khả năng nói một cách hiệu quả	GT2
	Khả năng viết một cách rõ ràng	GT3
	Khả năng giải thích các từ ngữ cho những người không cùng chuyên môn	GT4
	Khả năng sử dụng kết hợp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ	GT5
	Khả năng xây dựng và phát triển quan hệ	GT6
	Khả năng tạo quan hệ với những người ở trình độ khác nhau	GT7
<b>10. Nhận thức toàn cầu</b>	Khả năng nhận thức đa chiều	NTC1
	Khả năng nhận biết về sự khác biệt giữa các nền kinh tế	NTC2
	Nắm bắt xu hướng và tốc độ phát triển của nền kinh tế	NTC3
	Khả năng đánh giá tác động của nền kinh tế thế giới với nền kinh tế VN	NTC4
	Khả năng nhận biết về sự khác biệt văn hóa	NTC5
	Khả năng ngoại ngữ	NTC6

<b>11. Đạo đức kinh doanh</b>	Khả năng nhận diện xung đột đạo đức cá nhân	DD1
	Khả năng nhận diện xung đột đạo đức kinh doanh	DD2
	Khả năng ra quyết định mang tính đạo đức	DD3
<b>12. Thực tiễn kinh doanh</b>	Khả năng phân tích xu hướng phát triển của ngành	TTK1
	Khả năng nhận thức về các nền kinh tế thị trường	TTK2
	Khả năng phân tích báo cáo tài chính	TTK3
	Khả năng tối đa hóa nhu cầu của khách hàng	TTK4
	Khả năng tích lũy kinh nghiệm	TTK5

### 2.2.3. Phương pháp xử lý và phân tích số liệu

- Kiểm định chất lượng thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha

Sử dụng phần mềm SPSS để tính toán hệ số Cronbach's Alpha, trên cơ sở đó đánh giá về tính phù hợp của thang đo.

- Phương pháp thống kê mô tả (sử dụng phần mềm Excel và SPSS)

Phương pháp này được sử dụng với 2 mục đích sau:

+ Thống kê thành phần và đặc tính của các đối tượng tham gia khảo sát: khóa học, giới tính, quê quán, tình trạng đi làm thêm, các lớp kỹ năng đã từng tham gia.

+ Kiểm định và so sánh sự khác biệt về mức độ nhận thức, mức độ tích lũy các kỹ năng nghề nghiệp của từng nhóm sinh viên theo đặc điểm riêng.

## III. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

### 3.1. Đặc điểm ngành Quản trị kinh doanh – Trường DHLN

Ngành QTKD đã được đưa vào đào tạo trong nhà trường nhiều năm với đội ngũ cán bộ giảng dạy có nhiều kinh nghiệm, được đào tạo bài bản. Hiện tại ngành QTKD đang được đào tạo đối với cả Hệ chính quy (4 năm) và Hệ vừa làm vừa học (4,5 năm). Mục tiêu đào tạo của ngành là đào tạo các cử nhân thuộc lĩnh vực Quản trị kinh doanh tổng hợp.

Chương trình đào tạo ngành QTKD của Trường có tổng cộng 87 học phần tương ứng với 205 tín chỉ, trong đó số tín chỉ bắt buộc

phải hoàn thành là 133 tín chỉ. Tương ứng với mục tiêu đào tạo thì chương trình đào tạo ngành QTKD của trường DHLN mang tính chất tổng hợp với nhiều môn học thuộc các lĩnh vực, chức năng khác nhau của hoạt động quản trị trong doanh nghiệp được đưa vào giảng dạy cho sinh viên như: quản trị chiến lược, quản trị nhân lực, quản trị tài chính, quản trị kinh doanh thương mại, quản trị kinh doanh bảo hiểm, quản trị sản xuất, quản trị bán hàng...

Chuẩn đầu ra về kỹ năng đối với sinh viên ngành QTKD bao gồm các yêu cầu sau:

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh.

+ Tổ chức chỉ đạo thực hiện được các phương án và kế hoạch sản xuất.

+ Giám sát, phân tích, đánh giá được quá trình và kết quả sản xuất kinh doanh.

+ Sử dụng được một số phương tiện công nghệ thông tin trong công việc chuyên

+ Nghiên cứu, phát triển thị trường cho các doanh nghiệp

+ Tổ chức thực hiện và quản lý các hoạt động marketing.

+ Có phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp, tư duy hệ thống và tư duy phân tích, khả năng trình bày, khả năng giao tiếp và làm việc hiệu quả trong nhóm (đa ngành), hội nhập được trong môi trường quốc tế.

+ Khả năng ngoại ngữ: tại trường sinh viên được học ngoại ngữ và sau khi hoàn thành

chương trình đại học có thể đạt điểm TOEIC là 400.

+ Khả năng về tin học: Sinh viên được trang bị nhiều kiến thức về Tin học như Tin học đại cương, Quản trị cơ sở dữ liệu và tin học ứng dụng trong Quản trị.

**3.2. Đặc điểm của mẫu điều tra**

Để đánh giá mức độ nhận thức (nhận thức về mức độ quan trọng) và mức độ tích lũy

tương ứng các kỹ năng của sinh viên Ngành Quản trị kinh doanh được toàn diện và bao quát, nghiên cứu thực hiện tiến hành điều tra trong 4 khóa sinh viên hiện đang theo học tại trường (K57, K58, K59, K60). Tổng số phiếu điều tra phát ra là 200 phiếu, thu về được 180 phiếu trong đó 20 phiếu bị loại bỏ do không hợp lệ. Kết quả tổng hợp phiếu điều tra được thể hiện ở bảng 02.

**Bảng 02. Cơ cấu mẫu nghiên cứu**

TT	Tiêu chí phân loại	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
1	Theo khóa học	K57	38	23,8
		K58	47	29,4
		K59	35	21,9
		K60	40	25,0
2	Theo giới tính	Nam	54	33,8
		Nữ	106	66,3
3	Theo tình trạng đi làm thêm	Có đi làm thêm	28	17,5
		Không đi làm thêm	132	82,5
4	Theo quê quán	Thành thị	49	20,6
		Nông thôn	111	69,4
5	Theo lớp kỹ năng đã từng tham gia	Ngoại ngữ	26	16,3
		Tin học	13	8,1
		Kỹ năng khác	1	0,6
		Tham gia 2 lớp kỹ năng trở lên	20	12,5
		Không tham gia lớp nào	100	62,5
Tổng số		160	100	

*Nguồn: Số liệu tổng hợp từ phiếu điều tra*

Các phiếu điều tra được phân bổ khá đồng đều cho 4 khóa sinh viên đang theo học tại Trường. Trong tổng số các sinh viên tham gia trả lời bảng câu hỏi của nhóm nghiên cứu đa số là sinh viên nữ (chiếm 66,3%). Thực tế số sinh viên nữ cũng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số sinh viên của ngành. Đa số các sinh viên có quê quán ở vùng nông thôn (chiếm 69,4%). Hầu hết các sinh viên đều không đi làm thêm (82,5%) và không tham gia thêm lớp kỹ năng nào trong quá trình học (62,5%). Trong số các sinh viên có học thêm các lớp kỹ năng thì các lớp được lựa chọn chủ yếu là các lớp đào tạo, cấp chứng chỉ Tin học, Ngoại ngữ.

**3.3. Thực trạng mức độ nhận thức và mức độ tích lũy các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên ngành QTKD – Trường ĐHLN**

**3.3.1. Kết quả kiểm định chất lượng thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha**

Thang đo và độ tin cậy của các biến quan sát được đánh giá bằng hệ số Cronbach's Alpha (CA). Do nghiên cứu tập trung vào vấn đề làm rõ thực trạng mức độ nhận thức và tích lũy kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên nên không thực sự cần thiết sử dụng bước phân tích nhân tố khám phá và kiểm định mô hình hồi quy. Theo lý thuyết thì thang đo được chấp nhận là loại bỏ các biến có hệ số tương quan

biến tổng (item – total corelation) nhỏ hơn 0,3 và hệ số CA nhỏ hơn 0,6. Trong trường hợp loại bỏ các biến có hệ số CA nhỏ hơn 0,6 ra

khỏi mô hình mà hệ số tương quan biến tổng không đổi thì các biến này vẫn có thể chấp nhận được.

**Bảng 04. Tổng hợp kết quả phân tích chất lượng thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha**

TT	Nhóm biến	Số biến	Cronbach's Alpha	
			Hệ số CA min	Hệ số CA max
1	Lãnh đạo	7	0,343	0,618
2	Quản lý	6	0,420	0,604
3	Hoạch định	3	0,512	0,537
4	Tư duy	5	0,423	0,590
5	Ra quyết định	5	0,413	0,568
6	Công nghệ	7	0,223	0,563
7	Đàm phán	5	0,512	0,643
8	Làm việc nhóm	4	0,315	0,417
9	Giao tiếp	7	0,148	0,486
10	Nhận thức toàn cầu	6	0,396	0,518
11	Đạo đức kinh doanh	3	0,404	0,413
12	Thực tiễn kinh doanh	5	0,305	0,538

*Nguồn: Kết quả tính toán từ phần mềm SPSS*

Kết quả kiểm định thang đo ở bảng trên cho thấy hệ số CA của hầu hết các nhóm biến đều lớn hơn 0,6. Một số biến có hệ số CA < 0,6 nhưng kết quả từ phần mềm cho thấy sau khi loại bỏ biến cũng không làm tăng hệ số CA chung. Do đó các biến này không nhất thiết phải loại ra khỏi tập hợp biến đã chọn. Như vậy hệ thống thang đo được xây dựng gồm 5 thang đo được xem là đảm bảo chất lượng tốt với 63 biến số đặc trưng.

**3.3.2. Đánh giá của sinh viên về mức độ quan trọng và mức độ tích lũy của các kỹ năng nghề nghiệp tương ứng**

Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên đánh giá cao mức độ quan trọng của các nhóm kỹ năng nghề nghiệp (điểm trung bình từ 3,8500 đến 4,1125) trong khi đó thì mức độ tích lũy tương ứng đối với từng nhóm kỹ năng này chỉ ở mức trung bình (điểm đánh giá từ 2,778

đến 3,1172).

Sinh viên nhận định Nhóm kỹ năng Thực tiễn kinh doanh (4,1125), Lãnh đạo (4,0875), Hoạch định (4,0813) là 3 nhóm kỹ năng quan trọng nhất đối công việc trong tương lai của họ. Tuy nhiên, khả năng tích lũy tương ứng các kỹ năng nói trên của nhóm sinh viên được điều tra lại có thứ hạng thấp hơn hẳn so với nhiều nhóm kỹ năng khác. Khả năng tích lũy của sinh viên về nhóm kỹ năng Làm việc nhóm được tích lũy cao nhất trong các nhóm kỹ năng (3,1172) và kế đến là nhóm kỹ năng Quản lý (2,9677). Ngược lại, nhóm kỹ năng Đạo đức (3,8500) và Công nghệ (3,8518) được đánh giá là ít quan trọng nhất. Về mức độ tích lũy thì nhóm kỹ năng Nhận thức toàn cầu (2,778) và kỹ năng Ra quyết định (2,7463) có mức thấp cho thấy sự thiếu hụt về mặt tiếp cận với thực tiễn.

**Bảng 03. Bảng xếp hạng đánh giá mức độ quan trọng và mức độ tích lũy theo từng nhóm kỹ năng của sinh viên**

TT	Nhóm kỹ năng	Mức độ quan trọng	Xếp hạng	Mức độ tích lũy kỹ năng	Xếp hạng
1	Lãnh đạo	4,0875	(2)	2,7616	(10)
2	Quản lý	3,9906	(7)	2,9677	(2)
3	Hoạch định	4,0813	(3)	2,7688	(9)
4	Tư duy	4,0588	(5)	2,7813	(8)
5	Ra quyết định	4,0000	(6)	2,7463	(11)
6	Công nghệ	3,8518	(11)	2,9107	(4)
7	Đàm phán	4,0800	(4)	2,7900	(7)
8	Làm việc nhóm	3,9094	(9)	3,1172	(1)
9	Giao tiếp	3,8813	(10)	2,9536	(3)
10	Nhận thức toàn cầu	3,9760	(8)	2,7448	(12)
11	Đạo đức	3,8500	(12)	2,8896	(5)
12	Thực tiễn kinh doanh	4,1125	(1)	2,8150	(6)

*Nguồn: Tổng hợp từ phiếu điều tra*

**3.3.2. Sự khác biệt về mức độ nhận thức và mức độ tích lũy các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên theo các đặc điểm riêng**

So sánh kết quả tính toán giá trị kiểm định với mức ý nghĩa (0,05) đã chọn cho thấy: kết quả đánh giá mức độ quan trọng và mức độ tích lũy của các kỹ năng nghề nghiệp tăng dần theo số năm sinh viên theo học tại trường cũng như số lớp kỹ năng mà sinh viên đã từng tham gia. Cụ thể hơn thì các sinh viên đã từng tham gia 2 lớp kỹ năng trở lên có mức độ tích lũy cao nhất và sinh viên không tham gia lớp kỹ năng nào có mức độ tích lũy thấp nhất. Như vậy có thể thấy trong những năm qua, sự cải tiến, đổi mới phương pháp dạy và học của nhà

trường và bộ môn đã có hiệu quả, giúp các em nhận thức rõ ràng hơn về nghề nghiệp trong tương lai.

Bên cạnh đó kết quả phân tích cho thấy chưa có đủ cơ sở để khẳng định sự khác biệt về mức độ nhận thức của sinh viên có đi làm thêm và không đi làm thêm. Trong khi đó các sinh viên có đi làm thêm có mức độ tích lũy các kỹ năng tốt hơn các sinh viên không đi làm thêm. Đây là một phương thức giúp sinh viên nâng cao kỹ năng khá tốt trong thực tế. Tuy nhiên so với các trường thuộc nội thành Hà Nội thì Trường ĐH Lâm nghiệp nằm ở vùng ngoại ô, số lượng và loại công việc làm thêm cũng khá hạn chế.

**Bảng 04. Kết quả kiểm định sự khác biệt về mức độ nhận thức và tích lũy các kỹ năng của sinh viên theo các đặc điểm riêng**

TT	Đặc điểm	Phương pháp kiểm định	Giá trị kiểm định	Kết quả tính toán giá trị kiểm định	
				Mức độ nhận thức	Mức độ tích lũy
1	Khóa học	Kiểm định phi tham số (Kruskal -Wallis)	Asymp. Sig	0,147	0,001
2	Số lớp kỹ năng đã từng tham gia			0,705	0,001
3	Giới tính	Kiểm định 2 phía (Kiểm định T)	Sig (2 – failed)	0,282	0,849
4	Quê quán			0,424	0,615
5	Tình trạng làm thêm			0,288	0,000

*Nguồn: Kết quả kiểm định từ phần mềm SPSS – mức ý nghĩa 0,05*

Bên cạnh đó, các kết quả kiểm định sự khác biệt về các đặc điểm khác cho thấy: chưa có đủ cơ sở để khẳng định có sự khác biệt về mức độ nhận thức và mức độ tích lũy kỹ năng nghề nghiệp của các sinh viên khác nhau về giới tính, quê quán.

Tuy nhiên, một “hiện tượng” rất đáng quan tâm đó là nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của các nhóm kỹ năng nghề nghiệp có sự khác biệt lớn với yêu cầu của nhà tuyển dụng. Những kỹ năng mà sinh viên coi là quan trọng đối với bản thân khi ra trường lại không phải là những kỹ năng mà nhà tuyển dụng quan tâm nhất khi tuyển dụng. Có thể thấy đối với sinh

viên mới ra trường, nhà tuyển dụng thường coi các kỹ năng cơ bản như là các “điều kiện cần” để sơ tuyển ứng cử viên còn các kỹ năng thuộc nhóm giá trị gia tăng và nhà lãnh đạo tương lai được cân nhắc như là các “điều kiện đủ” hay có thực sự cần thiết đối với một ứng cử viên làm việc tại vị trí công việc đang cần tuyển hay không? (dẫn theo Vũ Thế Dũng và Trần Thanh Tông - *Ứng dụng phương pháp phân tích nội dung*, Khoa Quản lý Công nghiệp, Đại học Bách khoa Tp.HCM, 2008). Như vậy, thực tế cơ hội việc làm của các sinh viên đang bị hạn chế bởi sự khác biệt trong nhận thức về kỹ năng nghề nghiệp với nhà tuyển dụng.

**Bảng 05. Sự khác biệt mức độ nhận thức của sinh viên và yêu cầu của nhà tuyển dụng về kỹ năng nghề nghiệp**

TT	Tên nhóm kỹ năng	Nhà tuyển dụng*		Sinh viên**	
		Tỷ lệ %	Xếp hạng	Xếp hạng	
1	<b>Nhóm cơ bản</b>	Ngoại ngữ	78	1	8
		Tin học văn phòng	65	2	11
		Giao tiếp	42	3	10
		Làm việc độc lập	30	4	7
		Tổ chức	19	5	3
		Quản lý	19	5	7
		Phân tích	18	7	5
2	<b>Nhóm giá trị gia tăng</b>	Làm việc nhóm	15	8	9
		Tin học chuyên ngành	14	9	11
		Truyền thông	14	9	10
		Hoạch định	13	11	3
		Đàm phán	13	11	4
		Tổng hợp	9	13	2
		Lãnh đạo	5	14	2
3	<b>Nhà lãnh đạo tương lai</b>	Xây dựng và phát triển quan hệ	5	14	10
		Tổ chức nguồn nhân lực	4	16	2
		Ra quyết định	3	17	6

\* Đánh giá của nhà tuyển dụng về tầm quan trọng của từng kỹ năng

\*\* Đánh giá của sinh viên về tầm quan trọng của từng kỹ năng

#### IV. KẾT LUẬN

Kỹ năng nghề nghiệp là một trong những “hành trang” quan trọng giúp sinh viên có thể đảm nhận tốt công việc theo chuyên môn đã

được đào tạo cũng như có được mức lương cao sau khi ra trường. Đây không chỉ là mong muốn của bản thân các sinh viên mà còn là mong muốn chung của nhà trường, gia đình và



xã hội. Trên cơ sở những kết quả nghiên cứu, tác giả xin đưa ra một số ý kiến góp phần hoàn thiện phương pháp giảng dạy, chương trình đào tạo đồng thời nâng cao mức độ nhận thức và mức độ tích lũy các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết cho sinh viên ngành Quản trị kinh doanh – Trường ĐHLN như sau:

(1) Cần cụ thể hóa hơn nữa các tiêu chuẩn đầu ra đối với sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh: xác định rõ các kỹ năng cần thiết và mức độ ưu tiên đối với từng kỹ năng; nghiên cứu, đánh giá, cập nhật các yêu cầu của thị trường lao động về các kỹ năng nghề nghiệp đối với ngành Quản trị kinh doanh.

(2) Bộ môn giảng dạy cần tiếp tục duy trì tinh thần đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực, tăng thời lượng thực hành, thực tập cho sinh viên, định hướng người học, lấy người học làm trung tâm; thúc đẩy tinh thần chủ động trong học tập, nghiên cứu, tìm tòi của sinh viên. Trong thời gian tới Bộ môn Quản trị doanh nghiệp, Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh cần tiếp tục xúc tiến việc mở các lớp đào tạo ngắn hạn về kỹ năng có cấp chứng chỉ (Có thể liên kết với các trường, trung tâm đào tạo uy tín) về kỹ năng cho sinh viên tham gia. Bên cạnh đó Bộ môn, Khoa có thể tổ chức các buổi giao lưu (giới thiệu ngành nghề, việc làm, học hỏi kinh nghiệm từ chuyên gia hoặc các doanh nhân, các nhà quản lý nổi tiếng và thành công), tổ chức các buổi sinh hoạt mang tính học thuật và thông báo rộng rãi để các em sinh viên có thể biết đến, tham gia. Từ đó sinh viên sẽ có thêm nhiều cơ hội để tích lũy kinh nghiệm, kiến thức và kỹ năng.

(3) Nhà trường cũng như các tổ chức Đoàn

Thanh niên, Hội sinh viên cần tích cực hơn nữa trong việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa, giao lưu cho sinh viên (tình nguyện, thi đấu thể thao, hội chợ, giao lưu giới thiệu việc làm, giao lưu với các tổ chức khác...), khuyến khích sinh viên tham gia nhằm giúp sinh viên có cơ hội học tập, rèn luyện những kỹ năng cần thiết như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức...

(4) Khuyến khích nhiều hơn nữa đối với các sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, tham gia các cuộc thi như Khởi nghiệp, Tin học văn phòng...; tham gia các hoạt động phong trào thông qua các giải thưởng, chi phí hỗ trợ, các hình thức khen thưởng, đánh giá nhận xét vào hồ sơ sinh viên về những mặt tích cực hoặc những thành tích của sinh viên trong thời gian học tập tại trường.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Vũ Thế Dũng, Trần Thanh Tòng (2008). *Yêu cầu của nhà tuyển dụng về những kỹ năng đối với sinh viên mới tốt nghiệp các ngành quản lý – kinh tế: Ứng dụng phương pháp phân tích nội dung*. Khoa Quản lý Công nghiệp – Đại học Bách khoa Tp.HCM.
2. Phạm Thị Lan Hương, Trần Triệu Khải (2010). Nhận thức kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên chuyên ngành Marketing tại trường đại học kinh tế Đà Nẵng. *Tạp chí Khoa học công nghệ* - số 05. NXB. ĐH Kinh tế Đà Nẵng.
3. Trần Thị Hằng, Đặng Thị Xen, et al. (2016). *Đề tài NCKH sinh viên: Nghiên cứu mức độ nhận thức về kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên ngành Quản trị kinh doanh – Trường ĐH Lâm nghiệp*. Trường Đại học Lâm nghiệp.
3. Hồ Ngọc Vinh (2005). *Giáo trình Kỹ năng dạy học*. Trường Đại học Sư phạm Hưng Yên.
4. Trần Thị Kim Thu (2013). *Giáo trình điều tra xã hội học*. NXB. Đại học Kinh tế quốc dân.
5. Viện nghiên cứu ngôn ngữ học Việt Nam (2014). *Từ điển Tiếng Việt*. NXB. Lao động - Xã hội.

**AWARENESS OF PROFESSIONAL SKILLS  
OF THE STUDENTS MAJORED IN BUSINESS MANAGEMENT  
AT VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY OF FORESTRY**

**Hoang Thi Kim Oanh<sup>1</sup>, Tran Thi Hang<sup>2</sup>, Dang Thi Xen<sup>3</sup>**

*<sup>1,2,3</sup>Vietnam National University of Forestry*

**SUMMARY**

In this research, we surveyed 160 students from the Faculty of Economics and Business Management – Vietnam National University of Forestry (FEBM - VNUF). The analysis through Statistical Product and Services Solutions software (SPSS) showed that students highly appreciated the importance of professional skills, but they did not have much accumulation of those skills. The awareness of professional skills were different among all groups of students and also very different between students and employers. The results of research are important basis for proposing solutions to innovate teaching methods, develop training courses and improve working skills for students who majored in Business Management at VNUF.

**Keywords:** Business management, professional skills, students, training, unemployed, university.

**Ngày nhận bài** : 09/9/2016  
**Ngày phản biện** : 17/11/2016  
**Ngày quyết định đăng** : 23/12/2016